TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày 23 - 4 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Đình Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Tiến Tân;
- Ông Trần Văn Sự.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nhung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2021/TLST- HS ngày 18 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2021 đối với:

Bị cáo: Lương Văn C; sinh ngày 04 tháng 10 năm 1995; tại xã T, huyện Nhưu Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Thanh Xuân, xã T, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12;

Dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Lương Văn Hanh và bà Vi Thị Sen.

Có sống chung như vợ chồng với chị Hà Thị Kết (hiện chị Kết đã bỏ đi khỏi gia đình và địa phương); bị cáo có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 25/12/2019 Lương Văn C bị Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" xảy ra ngày 29/8/2019 .

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/01/2021 đến ngày 31/01/2021 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Như Thanh.

Có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý chi

nhánh số 4, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt.

* *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn H- sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Có mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Văn B - sinh năm 1990

Địa chỉ: tổ dân phố T, phường T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 28/7/2019, khi đang đi bộ trên đường thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện Như Thanh, Lương Văn C sinh năm 1995, trú tại thôn Thanh Xuân, xã T thấy gia đình anh Nguyễn Văn H đóng cửa. C đi vào nhà thấy gia đình anh H đang ngủ trưa. Nhìn thầy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave α, màu trắng đen, biển kiểm soát: 36B4 - 348.76 đang để ở sân nhà anh H, có chìa khóa đang được cắm ở ổ khóa, C đã dắc chiếc xe mô tô ra ngoài đường, điều khiển chiếc xe chạy theo hướng đến xã P, huyện T (nay là thị xã N). Khi đi đến xã T, huyện T (nay là phường T, thị xã N), C bán chiếc xe mô tô trộm cắp được cho anh Nguyễn Văn B, trú tại tổ dân phố T, phường T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa với giá với giá 7.000.000 đồng. Để anh B không nghi ngờ về chiếc xe do phạm pháp mà có, C đã giới thiệu chiếc xe là của anh trai cho C, vì không có nhu cầu đi lại nữa và đang cần tiền đi xa nên C muốn bán. Do chiếc xe có đầy đủ giấy tờ trong cốp, bao gồm: đăng ký xe, bảo hiểm xe và cả giấy phép lái xe mang tên anh Nguyễn Văn H nên anh B tin lời nói của C. Để tiếp tục tạo lòng tin cho anh B, khi viết giấy bán xe, C lấy tên là Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 02/10/1994 ở thôn Thanh Xuân, xã T, huyện Như Thanh và đồng ý cho anh B chụp ảnh bản thân cùng với chiếc xe. Sau khi có được tiền từ việc bán xe, Lương Văn C bắt xe khách ra tỉnh B tìm việc làm và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Hành vi trộm cắp của Lương Văn C bị cơ quan CSĐT Công an huyện Như Thanh khởi tố vụ án, hết hạn điều tra, vì không phát hiện được đối tượng phạm tội, nên đã được tạm đình chỉ. Đầu năm 2021, Khi phát hiện chiếc xe của anh Nguyễn Văn H bị trộm cắp và được bán lại cho anh Nguyễn Văn B, nên cơ quan CSĐT Công an huyện Như Thanh đã phục hồi vụ án, lúc này anh B mới biết được chiếc xe anh mua của C là tài sản do trộm cắp mà có. Anh B đã tự nguyện giao nộp lại chiếc xe cho cơ quan điều tra. Lương Văn C khi biết hành

vi phạm tội của mình đã bị phát hiện nên ngày 28/01/2021 đã đến Công an huyện Như Thanh đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15 ngày 06/8/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Như Thanh kết luận: Chiếc xe mô tô mà bị cáo trộm cắp của anh Nguyễn Văn H có giá trị tại thời điểm bị trộm cắp là: 8.010.000.

Quá trình điều tra xác định: Sau lần trộm cắp chiếc xe mô tô của anh Nguyễn Văn H ngày 28/7/2019; đến ngày 29/8/2019, Lương Văn C tiếp tục trộm cắp tài sản của người khác tại địa bàn thôn Trung Sơn, xã P, thị xã N. Ngày 25/12/2019 Tòa án nhân dân huyện T xử phạt Lương Văng C 12 tháng cải tạo không giam giữ, C đã chấp hành xong hình phạt của bản án.

*** Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:**

Sau khi nhận được lại chiếc xe mô tô bị Lương Văn C trộm cắp, bị hại là anh Nguyễn Văn H đã kiểm tra và nhận lại tài sản. Anh H không có yêu cầu, đề nghị gì về phần dân sự.

Đối với số tiền 7.000.000 đồng anh Nguyễn Văn B đã đưa cho C khi mua chiếc xe do C trộm cắp, C đã chi tiêu hết. Anh B yêu cầu C trả lại cho anh toàn bộ số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 06/CT- VKSNT ngày 17/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Lương Văn C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lương Văn C từ 12 đến 15 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về dân sự: Đề nghị buộc bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Văn B 7.000.000 đồng tiền anh B đã đưa cho bị cáo khi mua bán xe.

- Về vật chứng: Đề nghị không xem xem xét.

- Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên toà:

Bị cáo Lương Văn C thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu.

Bị hại không yêu cầu xem xét phần dân sự và đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo chấp nhận trả lại cho anh Nguyễn Văn B 7.000.000 đồng tiền bị cáo nhận của anh B khi giao dịch mua bán chiếc xe bị cáo trộm cắp.

Phần tranh luận:

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; bản thân bị cáo đang nuôi con nhỏ; từ đó giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt; đồng thời đề nghị miễn hình phạt bổ sung và án phí cho bị cáo.

Nói lời sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin miễn hình phạt bổ sung và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Thanh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều được coi là đúng pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn B. Xét thấy anh B có đơn xin xử vắng mặt, trong đơn xin vắng mặt, anh B giữ nguyên yêu cầu như trong giai đoạn điều tra, truy tố. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo quy định Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Tại phiên toà bị cáo Lương Văn C đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời trình bày của bị cáo phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên toà. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 12 giờ ngày 28/7/2019, tại thôn T, xã T, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa, Lương Văn C, sinh năm 1995 đã lén lút chiếm đoạt trái phép chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave α, biển kiểm soát: 36B4 - 348.76, có giá trị có giá trị 8.010.000 đồng, của anh Nguyễn Văn H. Sau đó C bán chiếc xe mô tô trộm cắp được cho anh Nguyễn Văn B với giá với giá 7.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết số tiền bán xe. Hành vi của Lương Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn chính xác. Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"Tội trộm cắp tài sản

1.Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) ...;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[4] Trong vụ án này, anh Nguyễn Văn B, có mua chiếc xe mô tô mà C trộm cắp được, nhưng anh B không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Do đó, không có cơ sở để xử lý trách nhiệm pháp lý đối với anh Nguyễn Văn B.

[5] *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng:* Bị cáo Lương Văn C có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo có tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng không chịu lao động để nuôi sống bản thân và gia đình mà thích ăn chơi xa đọa trên mồ hôi, công sức của người khác nên đã lợi dụng sự sơ hở của người khác để chiếm đoạt trái pháp luật tài sản của họ nhằm thỏa mãn nhu cầu hưởng lạc của bản thân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần xử lý nhanh chóng kịp thời để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] *Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Hành vi của bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra, sau khi hành vi phạm tội bị phát giác, bị cáo đã đến công an huyện Như Thanh để đầu thú; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] *Về nhân thân:* Bị cáo không có nhân thân tốt, thể hiện: Sau thời điểm thực hiện hành vi phạm tội lần này, bị cáo tiếp tục trộm cắp tài sản và đã bị Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Thanh Hóa kết án, xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo đã chấp hành xong bản án.

[8] *Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi*, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người lương thiện.

[9] *Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo thuộc hộ cận nghèo. Nếu áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền thì tình trạng kinh tế

của gia đình bị cáo sẽ lâm vào khó khăn trầm trọng, nghĩ nên miễn cho bị cáo hình phạt bổ sung.

[10] *Về phần dân sự:* Bị hại không yêu cầu xem xét phần dân sự nên miễn xét. Đối với số tiền 7.000.000 đồng mà anh Nguyễn Văn B đã đưa cho bị cáo khi giao dịch mua bán xem mô tô; trong quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt, anh B có yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên cho anh B. Hội đồng xét xử xét thấy: Chiếc xe mô tô mà bị cáo bán cho anh B là tài sản do bị cáo chiếm đoạt trái pháp luật của người khác, nên giao dịch mua bán giữa bị cáo và anh B bị vô hiệu; do đó, bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Nguyễn Văn B số tiền đã nhận (7.000.000 đồng) theo quy định tại Điều 123 và khoản 1, khoản 2 Điều 131 của Bộ luật Dân sự.

[11] *Về vật chứng của vụ án:* Tài sản bị cáo trộm cắp là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave α, biển kiểm soát: 36B4 - 348.76, của anh Nguyễn Văn H. Trong quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện Như Thanh đã trả lại cho bị hại là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[12] *Về án phí hình sự sơ thẩm:* Bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Lương Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản".**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Văn C 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (28/01/2021).

Về phần dân sự: Áp dụng Điều 123; khoản 1, khoản 2 Điều 131 của Bộ luật Dân sự, buộc Lương Văn C phải hoàn trả số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) cho anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố T, phường T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Văn C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Quyền kháng cáo*:* Áp dụng các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đình Huy

Nơi nhận:
- VKSND huyện Như Thanh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Như Thanh;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án (để thi hành);
- Phòng giám đốc án TA tỉnh Thanh hoá
- Lưu hồ sơ vụ án .